

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

Tòa HÒA-GIAI QUAN CAM-LÔ

Việc thụ lý số 394

BIÊN BẢN THỂ VI KHAI-SINH

Ngày 26-9-1955

Của : - NGUYEN-THI-NHU-TRANG



Năm một ngàn chín trăm Sau Mươi

Ngày Mười Chín Tháng Chín

Trước mặt chúng tôi là LÊ-DINH-GIAO, Quân-Trưởng Kiên Thân-
Đoàn Phan Tòa Hoà-Giai Quân Cam-Lô.

có Ông Ngô Xung

Lục-sự ngồi giúp việc

có (Tên tuổi và quân-chỉ nguyên đơn) NGUYEN-THI-NHU-
TRANG, 24 tuổi, hiện trú tại Thôn Dê-Nhất, Đông-Hà, Quân Cam-Lô,
Tỉnh Quang-Trị, the kiểm-tra số W.90.001.36.B.000.025, cấp tại
Thành-Phố Đà-Lạt, ngày 15-7-1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y

được vì lẽ Số hồ-tích nơi chánh quan bị thiếu-hủy bởi biên-cờ
chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi
quân-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên bản thay thế chứng-thư
hồ-tích nói trên,

Liên đó có đến trình diện : C.O.

- 1) - NGUYEN-THANH-DANG, 38 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà
Quân Cam-Lô, Tỉnh Quang-Trị, the kiểm tra số T.41.0138.22.A.001
780, cấp tại Quân Địch-Linh, ngày 30-8-1955.
- 2) - TÔN-THUẬT-THANH, 31 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà
Quân Cam-Lô, the kiểm-tra số T.41.0068.29.A.000.003, cấp tại
Quân Trưng-Luống, ngày 15-10-1955.
- 3) - NGUYEN-VĂN-HO, 38 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà,
Cam-Lô, the kiểm-tra số T.41.0138.22.A.000.486, cấp tại Quân
Địch-Linh, ngày 30-8-1955.

Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các
điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội ngay chứng việc HỘ, đã tuyên thệ
và chứng thật có biết rằng :

NGUYEN-THI-NHU-TRANG, 24 tuổi, con gái, Việt-Tích, đã sinh
ngày HONG MỘT THÁNG BA NĂM MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BA MƯƠI SAU, tại
Tỉnh Nha-Trang, con Ông NGUYEN-VĂN-GÂN, 48 tuổi (sống) và bà
NGUYEN-THI-THÂN, 47 tuổi (sống) vợ chánh.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy ~~khởi-sinh của y~~
Nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

Chiếu giấy.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48
Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản đề thế vì ~~khởi-sinh của y cấp cho y~~

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 15 tháng 9 năm 1960

Làm tại Tòa ~~Hội-Giái Cam-Đ~~ ngày, tháng, năm như trên, sau
khi đọc lại, đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với
chúng tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự
Vý tên ~~Đ~~ ~~Đ~~

Chính-Tân
Vý tên ~~Đ~~ ~~Đ~~

Nhân chứng ký tên

- Nguyễn-~~Đ~~-~~Đ~~
- ~~Đ~~-~~Đ~~-~~Đ~~
- Nguyễn-văn-~~Đ~~

Đương sự ký tên

Vý tên ~~Đ~~-~~Đ~~-~~Đ~~

Trước-bà tại Huế

Ngày tháng năm 19

Quyền tờ số

Thâu :

CHỦ-SỰ



**Đã tiếp nhận và
đang bị miễn phí.
Huế, ngày 10/10/1960
Vý tên Nguyễn-Đ**
(có dấu)

AN NHẬP
Thị trấn
Thị xã, Quận I
Thành phố, Tỉnh HO

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 256
Quyển số 01-412

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	BUI - PHU - HUAN		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 04 tháng 01 năm 1978			
Nơi sinh	Xã. Cầu I TP HCM			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	BUI PHU HUAN 1978		BUI PHU HUAN 1978	
Dân tộc Quốc tịch	Việt Nam			
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	Lâm nghiệp		Sinh viên	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bui Tung Linh 1978			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 11 tháng 02 năm 1978
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 11 tháng 02 năm 1978
TM/UBND ký lên đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: 0.12

Thị xã, Quận: 1

Thành phố, tỉnh: HCM

BẢN SAO

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 53
Quyền 01

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bi danh	<u>ĐI - TÂN - LÂN</u>	<u>ĐI - TÂN - LÂN</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>01-1-1970</u>	<u>01-1-1970</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Chưa xác định</u>	<u>Chưa xác định</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Ấp Tân Phú - Huyện Long An - Tỉnh Đồng Nai</u>	<u>Ấp Tân Phú - Huyện Long An - Tỉnh Đồng Nai</u>
Số giấy CM, CNCC hoặc hộ chiếu	<u>1770753</u>	<u>1770753</u>

Đăng ký, ngày 11 tháng 7 năm 80

TM/UBND 0.1 Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHÂN TRƯỞNG ỦY BAN CHÍNH



Số 01
tên đóng dấu

Nguyễn Văn B

Tên họ ấu nhi: **B O I - T O - L O A N**
 Phái: **K U**
 Sinh: **Ngày mười sáu tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu**
 Ngày, tháng năm **mười một (16-10-1961)**.
 Tại: **Nhà Hộ-Sinh NGUYEN-THI-HOA, 55, Trại-Vinh-Thé, Đông-Hà .**
 Cha: **B O I - V A N - L A N**
 Tên họ
 Tuổi: **Ba mươi hai (32) tuổi .**
 Nghề: **Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa .**
 Cư-trú tại: **K.B.C.4.817**
 Mẹ: **NGUYEN-THI-NHU-TRANG**
 Tên họ
 Tuổi: **Hai mươi lăm (25) tuổi**
 Nghề: **Nội-trợ**
 Cư-trú tại: **12, đường TRẦN-HUNG-HẠO, Đông-Hà .**
 Vợ: **Chánh**
 Chánh hay thê
 Người khai: **B O I - V A N - L A N**
 Tên họ
 Tuổi: **Ba mươi hai (32) tuổi**
 Nghề: **Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa .**
 Cư-trú tại: **K.B.C.4.817**
 Ngày khai: **Ngày mười sáu tháng mười, năm một ngàn chín trăm**
sáu mươi một (16-10-1961).
 Người chứng thứ nhất: **NGUYEN - T O C - D U O N G**
 Tên họ
 Tuổi: **Hai mươi chín (29) tuổi**
 Nghề: **Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa .**
 Cư-trú tại: **K.B.C.4.586**
 Người chứng thứ nhì: **T A - V I N H - S I E U**
 Tên họ
 Tuổi: **Hai mươi tám (28) tuổi .**
 Nghề: **Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa**
 Cư-trú tại: **K.B.C.4.586**

Làm tại xã **Đ O N G - H A**
 Người khai **Hộ-lại**

ngày **18 tháng 10 1961**
 Nhân chứng **I**

B O I - V A N - L A N

D U O N G - Đ U C - Đ E

G U Y E N - Đ U C - Đ U O N G

Chứng nhận chủ ký của O.Đại-diện

PHUNG-TRICH-LUC

Hội-đồng xã **Đ O N G - H A**.

Đông-hà ngày **18, 10.61**

Đông-hà, ngày **18 tháng 10 năm 1961**

H O I - V I E N - H O - L A I

K.T. QUAN-TRUONG QUAN CAM LO

T A - V I N H - S I E U .

Nhân-thủ chủ ký của
H O I - V I E N - H O - L A I xã
L A I - D I E N X A

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SƠ-THẨM ĐÀ LẠT
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1ère INSTANCE DE ...)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH ... xã PHÚ HỘI, Quận Đức-Trọng
(Extrait du registre des actes de naissance)

TỈNH TUYẾN LỘC

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 045
(Acte No)

Họ tên đứa trẻ (Prénoms et nom de l'enfant)	BÙI TÙNG LÂN
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh (Date de naissance)	Ngày 23 tháng 01 năm 1953
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Phú-Hội, Đức-Trọng, Tuyên-Đức
Họ, tên cha (Prénoms et nom du père)	BÙI VĂN LÂN
Nghề nghiệp của cha (Sa profession)	Quân nhân
Nơi cư ngụ của cha (Son domicile)	Trại gia-bình
Họ, tên mẹ (Prénoms et nom de la mère)	NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG
Nghề nghiệp của mẹ (Sa profession)	Nội trợ
Nơi cư ngụ của mẹ (Son domicile)	Trại gia-bình
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Số 143/60
CHÍNH THAM ĐOÁN CHỨC
Ngày 10-01-1975
TỔNG BAN HÀNH P34



Giá tiền 1500 HƯNG
(Cout)

Biên lai số 1007
(Quittance No)

ĐÀ LẠT, ngày 10-01-1975

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Bùi Văn Giản

VIỆT-NAM DỘNG-HOÀ

THỊ-XÃ BANMETHUOT
TỈNH ĐAKLAC.

GIẤY KHAI - SINH

(Acte de naissance)

Số-hiệu 0012/KS.

Họ và tên đứa con nít : BUI - TÙNG - LINH
Con trai hay con gái :
Ngày sinh : Tháng sáu tháng Giêng năm một ngàn chín
trăm năm mươi sáu
Nơi sinh : tại nhà Hộ-sinh Thanh-bình Banmethuot
Họ và tên người cha : BUI - VAN - LAN
Nghề-nghiep : Quân-nhan
Nhà cũ ở đâu :
Tên họ người mẹ : NGUYEN-THY-MIU-TRANG
Nghề-nghiep : Nội-trợ
Nhà cũ ở đâu : Trại binh-sĩ
Vợ chính hay vợ lẽ : Vợ chính
Tên họ người khai : CỐ ĐỒ THANH-BÌNH
Tuổi :
Nghề-nghiep :
Nhà cũ ở đâu : tại Thị-xã Banmethuot
Họ và tên người chứng
thứ nhất :
Tuổi, nghề-nghiep, nhà
cũ ở đâu :
Họ và tên người chứng
thứ nhì, tuổi, nghề-nghiep :
Nhà cũ ở đâu :
Họ và tên người chứng
thứ ba, tuổi, nghề-nghiep :
Nhà cũ ở đâu :

Làm tại Banmethuot, Ngày 10 Tháng 1 Năm 1956

Người khai : CHỨNG THỨ 1 , CHỨNG THỨ 2 , CHỨNG THỨ 3 .
CỐ ĐỒ THANH-BÌNH
Viên Hộ-lại,



CAO-DUY-TÍN

Nguyễn Văn Tấn
Thị trấn Banmethuot
Banmethuot, ngày 10 tháng 1 năm 1956
ĐẠI DIỆN - X



LE-VAN-KHIEU



HỘI ĐỒNG HỘ TỊCH
NGUYỄN VĂN ĐỨC TRẠC

TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

Xã ĐIỀU-HÒA

Bản số: 1

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM

1958 tại Điều-Hòa

Tên, họ đứa con nít. Nom et prénoms de l'enfant	ĐIỀU-HỒNG-TRƯỜNG
Nam hay nữ. Son sexe	Đai
Sanh ngày nào. Date de sa naissance	1 tháng 3 năm 1958
Sanh tại chỗ nào. Lieu de sa naissance	Sao sanh viên Điều-Hòa
Tên, họ người cha. Nom et prénoms de son père	ĐIỀU-VĂN-ĐÀ
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession.	Thương-gia
Nhà cửa ở đâu. Son domicile.	Điều-Hòa
Tên, họ người mẹ. Nom et prénoms de sa mère.	ĐIỀU-CHU-YẾN
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession.	Thương-gia
Nhà cửa ở đâu. Son domicile.	Điều-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ. Son rang de femme mariée	Vợ chánh

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH:

VÍ-CHỨNG:

Điều-Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 1958

Hội-Đồng Xã Điều-Hòa,

ĐẠI-TIÊN, HỘI-VIÊN TÀI-CHÁNH,

Điều-Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 1958

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

SỐ 2476 /HC.
CHỨNG TÍCH SỞ VẤN CHẾ
H. S. 3/10/58
19/8/58

BỘ-VĂN-THƯ

C. Văn Sĩ Ngạc

Siege, 25 - 06 - 1985

Đã gửi thư cho
ông anh có họ này
ở 3A, số
00P-1D
năm 1975

Chưa bà,

Hôm nay em gửi tới hội, hồ sơ của gia đình em nhờ bà chuyển hộ, muốn nhờ xin nhờ bà. Vì trước năm 1975, em còn quá nhỏ nên không rõ chính xác những tiêu chuẩn của hồ sơ chi tiết rằng: B5 em đã làm trưởng ti cảnh sát ở 32 quai nhon, Dalat - quân trưởng tại Đức Thong (từng nghĩa), thanh tra cảnh sát tại Sài Gòn

Nếu có gì thiếu sót xin bà giúp đỡ cho em, rất cảm ơn bà.

Kính thư.

phien

RECEIVED
JUL 05 1985

the father, the eligible candidate died in reed camp in 1976. forwarded doc. But do not know they be considered. A son & few cousins are in U.S.

EXTRAIT

de la Convention relative au statut des réfugiés,
conclue à Genève le 28 juillet 1951,
approuvée par la loi du 28 juin 1953
(Voir le « Moniteur belge »
des 4 octobre 1953 et 18 avril 1954)
Article 12 — Statut personnel
1. Le statut personnel du tout réfugié sera régi par
la loi du pays de son domicile ou à défaut de domicile,
par la loi du pays de sa résidence.
La présente carte, qui ne saurait remplacer le
certificat d'inscription au registre des étrangers, ni
la carte d'identité pour étranger, est strictement
personnelle et doit rester en possession de son titu-
laire. Elle ne peut être retirée que par le Haut
Commissariat des Nations Unies pour les réfugiés ou
avec son accord.
Prière de faire mention du numéro du dossier (voir
le volet) dans toute correspondance adressée au Haut
Commissariat.

UITTREKSEL

uit het Verdrag betreffende de status van vluchtelingen,
gesloten te Genève op 28 juli 1951,
goedgekeurd door de wet van 28 juni 1953
(Zie het « Belgisch Staatsblad »
van 4 oktober 1953 en 18 april 1954)
Artikel 12 — Persoonlijke staat
1. De persoonlijke staat van een vluchteling wordt
beheerd door de wet van het land van zijn woonplaats,
of, indien hij geen woonplaats heeft, van het land van
zijn verblijf.
Deze kaart is strikt persoonlijk en dient in het
bezit van de rechtmatige houder te blijven; zij ver-
vangt niet het bewijs van inschrijving in het vreemde-
lingenregister, noch de identiteitskaart voor vreemde-
lingen. Zij kan alleen door of met de goedkeuring van
het Hoge Commissariaat van de Verenigde Naties
voor de Vluchtelingen worden ingetrokken.
Men wordt verzocht in briefwisseling met het Hoge
Commissariaat het dossiernummer (zie blz. 3) te
vermelden.

Nations Unies Haut Commissariat pour les Réfugiés DELEGATION EN BELGIQUE

CERTIFICAT DE RÉFUGIÉ



Verenigde Naties Hoog Commissariaat voor de Vluchtelingen VERTEGENWOORDIGING IN BELGIE VLUCHTELINGENBEWIJS

Certificat
Bewijs: N° 89801

Le porteur du présent titre
De houder van dit bewijs

Nom : BUI épouse: TRUONG
Naam :

Prénoms : Luong Lien
Voornamen :

Né à : QUANG TRI.
Geboren te :

Le : 2.8.1963.
Op :

est reconnu comme réfugié selon la Convention du
28 juillet 1951 et le Protocole du 31 janvier 1967
relatifs au statut des réfugiés, et jouit en Belgique
des droits qui sont prévus par ces instruments
juridiques.

is als vluchteling erkend volgens de criteria van het
Verenigde Naties Verdrag van 28 juli 1951 en het
Protokol van 31 januari 1967 betreffende de status
van vluchtelingen, en geniet in België van de rechten
toegekend door deze juridische akten.

N° du dossier :
Nr van het dossier :

C.91308



Signature du titulaire :
Handtekening van de houder :

[Handwritten signature]

Le fonctionnaire délégué :
De gedelegeerde ambtenaar :

[Handwritten signature]

Bruxelles, le 13.10.1983
Brussel, de

Mẫu Đơn Về Lý Lịch Gửi Đến Hội
TƯỖ Ý MUỐN GỬI HAY KHÔNG

N.B. PLEASE DO NOT SEND THIS FORM IF YOU DO NOT WISH TO PROVIDE INFORMATION.

PRISONER'S NAME (TÊN TÙ NHÂN) : BUI VĂN LAN
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 1929
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : X Female (Nữ) :

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : X
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 115 / 14 SÊ QUANG ĐỊNH P 14 Q BÌNH
(Địa chỉ tại VN) THANH TP HO CHI MINH VIET NAM

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không)

If Yes (Nếu Có) : From (Từ) : 06/1975 To (Đến) : 16/06/1976

PLACE OF RE-EDUCATION : Camp n° 776
CAMP (TRẠI TÙ)

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : Police

EDUCATION IN U.S. :

DU HỌC TẠI MỸ

IN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp bậc) : Lieutenant - Colonel

IN GOVERNMENT : Position (Chức vụ) : Lieutenant - Colonel Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : IV Number (số hồ sơ) : No (Không) : X

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 07

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 115 / 14 SÊ QUANG ĐỊNH P 14 Q BÌNH
(Địa chỉ liên lạc tại VN) THANH TP HO CHI MINH

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : BUI - TUONG - LIEN

Tên, Địa chỉ Thân nhân : 35 RUE D'ARCHES 4000 LIEGE Belgique
(hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : X

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : daughter

NAME AND SIGNATURE : BUI - TUONG - LIEN

ADDRESS OF INFORMANT

Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ở 35 RUE D'ARCHES 4000 Liege Belgique
(của người điền đơn này)

DATE : 20/06/1985

prhen

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

A. Basic Identification Data/Lý Lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : Bui Trung Liên Sex: Phái nữ
2. Other Names
Họ, tên khác : /
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 02/08/1963 QUANG-TRÍ - VIETNAM
4. Residence Address,
Địa-chỉ thường-trú : 35 RUE DAREMUS
1000 Siege Belgique
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tủ : 35 Rue Darinus 1000 Siege Belgique
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : student

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dinh như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dinh
1. NGUYỄN THỊ NHƯ TRANG	01/03/1936	F	W		me ruột
2. BUI TUNG LINH	06/01/1956	M	M		anh ruột
3. BANG KHUONG TRANG	01/03/1958	F	M		chị dâu
4. BUI ĐĂNG HIÊN	13/11/1980	M	S		cháu ruột
5. BUI TUNG LÂM	23/01/1953	M	S		anh ruột
6. BUI TÔ - HOA	16/10/1961	F	S		chị ruột
7. PHAM HUU THIEN	04/06/1970	M	S		Em ruột
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

Tên họ ấu nhi: B U I - T O - L O A N
 Phái: Nữ
 Sinh: Ngày mười sáu tháng mười, năm một ngàn chín trăm sáu
 Ngày, tháng năm mười một (16-10-1961).
 Tại: Nhà Hộ-Sinh NGUYỄN-THỊ-HOÀ, 55, Trại-Minh-Thế, Đông-Hà.
 Cha: B O I - V A N - L A N
 Tên họ
 Tuổi: Ba mươi hai (32) tuổi.
 Nghề: Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.
 Cư-trú tại: K.M.C.4.817
 Mẹ: NGUYỄN-THỊ-NHƯ-TRANG
 Tên họ
 Tuổi: Hai mươi lăm (25) tuổi
 Nghề: Nội-trợ
 Cư-trú tại: 12, đường TRẦN-HUNG-DẠO, Đông-Hà.
 Vợ: Chính
 Chức hay thứ
 Người khai: B O I - V A N - L A N
 Tên họ
 Tuổi: Ba mươi hai (32) tuổi
 Nghề: Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.
 Cư-trú tại: K.M.C.4.817
 Ngày khai: Ngày mười tám tháng mười, năm một ngàn chín trăm
sáu mươi một (18-10-1961).
 Người chứng thứ nhất: NGUYỄN - ĐỨC - DƯƠNG
 Tên họ
 Tuổi: Hai mươi chín (29) tuổi
 Nghề: Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa.
 Cư-trú tại: K.M.C.4.586
 Người chứng thứ nhì: T A - D I N H - S I E U
 Tên họ
 Tuổi: Hai mươi tám (28) tuổi.
 Nghề: Sĩ-quan Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại: K.M.C.4.586

Làm tại xã Đ O N G - H A ngày 18 tháng 10 196 1
 Người khai Hộ-lại Nhân chứng

MÔI-VAN-LAN

DƯƠNG-ĐỨC-ĐE

NGUYỄN-ĐỨC-DƯƠNG

Chứng nhận chủ ký của O.Đại-diện

PHUNG-TRÍCH-LUC

Hội-đồng xã Đông-hà.

Đông-hà ngày 18.10.61

T A - D I N H - S I E U .

Đông-hà, ngày 18 tháng 10 năm 1961

HỘI-VIÊN-HỘ-LẠI

Nhân-chức chủ ký của

K.T. QUAN-TRƯỞNG QUAN CÁN LO

Hội-viên Hộ-lại xã

ĐẠI-DIỆN XA

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã/Thị trấn _____
Thị xã, Quận I
Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT3/P 2

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 76
Quyển số 01-12

Họ và tên	<u>ĐOÌ - BÌNH - NHẬN</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày 01, tháng 01 năm 1975</u>		
Nơi sinh	<u>ĐS. Quận I TP HCM</u>		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>ĐOÌ TÙNG LINH</u> <u>1975</u>	<u>ĐOÌ KHUÊ TRANG</u> <u>1975</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>		
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>		
Nghề nghiệp	<u>Lên tay</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Đ. Long Thành - Đồng Nai</u>		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Đ. Lê Văn Thành - Đồng Nai</u> <u>Đ. Nguyễn Văn G. I</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đã ký ngày 11 tháng 12 năm 1980
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 22 tháng 10 năm 82
TM/UBND BT ký tên đóng dấu



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT 13/P3

Xã, Thị trấn: P.Đ

Thị xã, Quận: 1

Thành phố, tỉnh: ĐH

BẢN SAO
GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 55

Quyền 61

	CHỒNG	VỢ
HỌ VÀ TÊN Bí danh	<u>BUI - THÁI - L.Đ</u>	<u>NGUYỄN - L.Đ.Đ. - THANH</u>
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	<u>6-1-1956</u>	<u>01-3-1956</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Định viên</u>	<u>Định viên</u>
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	<u>Xã Phước Hải - Huyện Long Thành - Tỉnh Bình Định</u>	<u>Ấp Phước Hải - Huyện P.Đ Q. 1 ĐH ĐM</u>
Số giấy CM. CNCC hoặc hộ chiếu	<u>275501</u>	<u>307701</u>

Đã ký, ngày 11 tháng 7 năm 60

TM/UBND Đ.Đ Ký tên đóng dấu

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Người chồng ký

Người vợ ký

NHẬN VÀ CHỮ Y BẢN CHÍNH



năm 60

tên đóng dấu

chức vụ

Thị trấn P.Đ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

SỞ TƯ - PHÁP HUẾ

Tòa HOA-GIAI QUÂN CAM-LÔ

Việc thụ lý số 224

BIÊN BẢN THỂ VI KHAI-SINH

Ngày 24-7-1955

Của : - NGUYEN-THI-NHU-TRANG



Năm một ngàn chín trăm San Muoi

Ngày Muoi Chín Tháng Chín

Trước mặt chúng tôi là LÊ-DINH-GIAO, Quân-Trưởng kiêm Thân-Tổng Phan Tòa Hoà-Giai Quân Cam-Lô.

có Ông Ngô Xung

Lục-sự ngồi giúp việc

có (Tên tuổi và quân-chỉ nguyên đơn) NGUYEN-THI-NHU-TRANG, 24 tuổi, hiện trú tại Thôn Dê-Nhất, Đông-Hà, Quân Cam-Lô, Tỉnh Quang-Trị, the kiểm-tra số E.90.001.36.B.000.025, cấp tại Thành-Phố Đà-Lạt, ngày 15-7-1955.

đến trình rằng hiện y không thể xin sao lục giấy Khai-sinh của y

được vì lẽ Sổ hộ-tích nơi chành quán bị thiếu-huy bởi biên-cổ chiến-tranh.

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của nhân chứng có tên tuổi quân-chỉ do y triệu gọi đến để lập cho y biên bản thay thế chứng-thư hộ-tích nói trên,

Liên đó có đến trình diện : C.O.

- 1) - NGUYEN-THANH-DANG, 38 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà Quân Cam-Lô, Tỉnh Quang-Trị, the kiểm tra số T.41.0138.22.A.004780, cấp tại Quân Gio-Linh, ngày 30-8-1955.
- 2) - TON-THUAT-THANH, 31 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà Quân Cam-Lô, the kiểm-tra số T.41.0068.22.A.000.003, cấp tại Quân Trưng-Luong, ngày 15-10-1955.
- 3) - NGUYEN-VAN-HO, 38 tuổi, trú tại thôn Dê-nhất, Đông-Hà, Cam-Lô, the kiểm-tra số T.41.0138.22.A.000.486, cấp tại Quân Gio-Linh, ngày 30.8.1955.

Ba nhân chứng trên này sau khi nghe đọc các khoản nói trên, và các điều 337 hình luật Trung-Việt phạt tội ngay chứng việc Hộ, đã tuyên thệ và chứng thật có biết rằng :

NGUYEN-THI-NHU-TRANG, 24 tuổi, con gái, Việt-Tích, đã sinh ngày MONG MỘT THÁNG BA NAM MỘT NGÀN CHÍN TRAM BA MUOI SAU, tại Tỉnh Nha-Trang, con Ông NGUYEN-VAN-BAN, 48 tuổi (sống) và bà NGUYEN-THI-THÂN, 47 tuổi (sống) vợ chành.

Hiện nay đương sự không thể xin sao lục giấy khai-sinh của y
Nói trên được vì những lý-do đã nêu trên.

Chiếu giấy.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo sự kiện trên và chiếu điều 47 và điều 48
Trung-Việt Hộ-luật lập biên bản để thế vi khai-sinh của y cấp cho y

theo như đơn xin đã đệ tại Bản Tòa ngày 15 tháng 9 năm 1960

Làm tại Tòa Hộ-tỉnh Cao-Lô ngày, tháng, năm như trên, sau
khi đọc lại, đương sự và các nhân chứng đều có ký tên dưới đây với
chúng tôi và Ông Lục-sự.

Lục-Sự
Ký tên: Lục-Sự

Chánh Văn
Ký tên: L. ANH-GIAO

Nhân chứng ký tên

- Nguyễn-Thanh-Dung
- Tân-Thất-Thành
- Nguyễn-van-18

Đương sự ký tên

Ký tên: Nguyễn-thí-nhu-Trung

Trước-bà tại Huế

Ngày tháng năm 19

Quyển tờ số

Thâu :

CHỦ-SỰ

SỞ Y CHANH BẮC
Cao-Lô, ngày 18 tháng 11 - 1960
TH. ANH-GIAO



TH. ANH-GIAO

Đã nhận con nhận và
trước bà nhân phi.
Huế, ngày 12/10/1960
Ký tên Nguyễn-Thao-Trung
(có dấu)

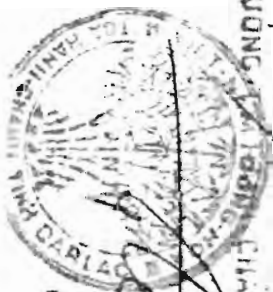
VIỆT-NAM CÔNG-ĐO
 +---+
 THỊ-XÃ BAN-BETHUOT
 TỈNH ĐAKLAC.
 +---

Hồ-siêu 0012/KS.

GIẤY KHAI - SINH
 +---+
 (Acte de naissance)

Họ và tên đứa con nít	:	BUI - TONG - LINH
Con trai hay con gái	:	
Ngày sinh	:	Ngày sáu tháng Giêng năm một ngàn chín trăm năm mươi sáu
Nơi sinh	:	tại nhà Hộ-sinh Thanh-dinh Banmethuot
Họ và tên người cha	:	BUI - VAN - LIN
Nghề-nghiep	:	Quân-nhân
Nhà cũ ở đâu	:	
Tên họ người mẹ	:	NGUYEN-THY-THU-TRANG
Nghề-nghiep	:	Nội-trợ
Nhà cũ ở đâu	:	Trại binh-sĩ
Vợ chính hay vợ lẽ	:	Vợ chính
Tên họ người khai	:	Cô đơ Thanh-sinh
Tuổi	:	
Nghề-nghiep	:	
Nhà cũ ở đâu	:	tại Thị-xã Banmethuot
Họ và tên người chứng thứ nhất	:	
Tuổi, nghề-nghiep, nhà cũ ở đâu	:	
Họ và tên người chứng thứ nhì, tuổi, nghề-nghiep, nhà cũ ở đâu	:	
Họ và tên người chứng thứ ba, tuổi, nghề-nghiep, nhà cũ ở đâu	:	

Lên tại Banmethuot, Ngày 10 Tháng 1 Năm 1956
 Người khai : CHỮNG THỨ 1 , CHỮNG THỨ 2 , CHỮNG THỨ 3 .
 Cô đơ Thanh-sinh Viên Hộ-lạc,



CAO-DUY-TIM

Banmethuot, ngày 10 tháng 1 năm 1956
 TRƯỞNG BAN BETHUOT
 TỈNH ĐAKLAC

Đã nhận đủ các giấy tờ
 và nộp thuế, ngày 15/5/1956
 ĐAK DIEN - 25

Đã nhận đủ các giấy tờ
 và nộp thuế, ngày 15/5/1956
 ĐAK DIEN - 25



ĐAK DIEN - 25



HỘI ĐỒNG HỢP
 ĐAK DIEN - 25

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SỞ-THẨM ĐÀI
(GREFFE DU TRIBUNAL DE 1^{ère} INSTANCE DE ...)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH ...
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh ...

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 045
(Acte No)

Họ tên đứa trẻ (Prénoms et nom de l'enfant)	BÙI TÙNG LÊ
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh (Date de naissance)	Ngày 23 tháng 01 năm 1953
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Phủ-Hội, Lạc-Trọng, Tuyên-Dức
Họ, tên cha (Prénoms et nom du père)	BÙI VĂN LAM
Nghề nghiệp của cha (Sa profession)	Quân nhân
Nơi cư ngụ của cha (Son domicile)	Trại gia-bình
Họ, tên mẹ (Prénoms et nom de la mère)	NGUYỄN THỊ KHU TRANG
Nghề nghiệp của mẹ (Sa profession)	Nội trợ
Nơi cư ngụ của mẹ (Son domicile)	Trại gia-bình
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)



Giá tiền ...
(Cout)

Biên-lai số ...
(Quittance No)

... ngày 10-01-1975

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHÊF)



Bùi Văn Giản

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT 3/P2

Xã, Thị trấn

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thị xã Quận

Thành phố, Tỉnh

Saigon

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 2519

Quyển số 13



Họ và tên :	PHAM HUU THIEN		Nam, nữ NAM
Sinh ngày tháng, năm :	Bản tháng năm một ngàn chín trăm bảy mươi, 22 giờ 20		
Nơi sinh	Saigon, đường trường Saall		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Pham Huu Loc 38 tuổi	Vo Thi Be 33 tuổi	
Dân tộc Quốc tịch			
Nghề nghiệp Nơi ĐKK thường trú	quản nhân Gia đình, 88 Lê Quang Định	Thợ may	
Họ, tên tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Pham Huu Loc 38 tuổi		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 14 tháng 1 năm 1983

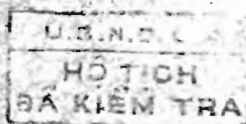
TM. UBND

ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày 9 tháng 6 năm 1987-0
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

[Signature]

BỘ VĂN PHÒNG



VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ HOÀ-GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chính để lại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 1624.HT (1)

H2V.10

Ngày 15 tháng 2 năm 19 60 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

Nguyễn Quang Linh

Năm một ngàn chín trăm 60 ngày 16 tháng 2 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là NGUYỄN VĂN ĐOANH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đoàn-Tư pháp tại va-phòng chúng tôi, 115, Đường Nguyễn-Huệ có Lục-sự

phụ-tà

DÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

VIỆM NGUYỄN

2.—

ĐO VĂN NGUYỄN

3.—

TÔN NGUYỄN THỊ NHON



Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai-quả-quyết: Biết chắc

Nguyễn Quang Linh (nam).

sinh ngày 19 - 4 - 1946 tại Hà-Nội con của ông

Nguyễn Văn Cán và bà Nguyễn Thị Quý Thân.

Và dẫu có mà Nguyễn Văn Cán
khải-sanh được, là vì sự giao thôn, gián tiếp.

Không có thể xin sao-lục

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để sử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1945 của Thủ-Ưng Chính-Phủ Lâm-Tạm Nam-Việt-Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ Luật Cảnh-cải phạt tội kỷ-luật về việc Hộ-tà 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và đương-don nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi tại Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên chúng tôi,

Lục-Sự,
Saigon, ngày 29 tháng 12 năm 19 65
CHANH-LỤC-SỰ,

GIA TIỀN 1/100

(1) Chỉ tiết cần nhắc lại, như
sự cấp thêm bản sao.

PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

XÃ ĐIỀU-HÒA

Bản số: 1

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM 1958 và Điều-Hòa

Tên, họ đứa con nít. Nom et prénoms de l'enfant	DANG-THUONG-TRUNG
Nam hay nữ. Son sexe	Giỏi
Sanh ngày nào. Date de sa naissance	1 tháng 5 năm 1958
Sanh tại chỗ nào. Lieu de sa naissance	Bao sanh viên Điều-Hòa
Tên, họ người cha. Nom et prénoms de son père	DANG-VĂN-ĐỨC
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession.	Thương-gia
Nhà cửa ở đâu. Son domicile.	Điều-Hòa
Tên, họ người mẹ. Nom et prénoms de sa mère.	NGUYỄN-THỊ-LAM
Làm nghề nghiệp gì. Sa profession.	Thương-gia
Nhà cửa ở đâu. Son domicile.	Điều-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ. Son rang de femme mariée	Vợ chánh

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH:

VÍ-CHỨNG:

Biểu-Hoà, ngày 19 tháng 8 năm 1958

Hội-Đồng Xã Điều-Hòa,

SÀI-ĐIỀN, HỘI-VIÊN TÀI-CHÁNH.

Điều-Hòa, ngày 12 tháng 8 năm 1958

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

SỐ 2476 /HC.
CHỨNG TÍCH SƠ BỘ CHÍNH

12 tháng 8 năm 1958

BỘ-VĂN-ĐIỀU

Ngân

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoài Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh :

c. Address
Địa-chỉ :

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ :

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên :

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh :

c. Address
Địa-chỉ :

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha :

2. Mother
Mẹ :

3. Spouse
Vợ/Chồng :

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái: (1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em: (1)

(2)

(3)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn: _____

Thị xã, Quận: 11 / _____Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí MinhBẢN SAO
GIẤY CHỨNG TỬSố 005

Quyển số _____

Họ và tên :	Bùi Văn Lan
Nam hay nữ :	nam
Sinh ngày tháng năm :	nam một ngàn chín trăm hai mươi chín (1929)
Dân tộc :	
Quốc tịch :	
Nơi ĐKKK thường trú :	tại cái tạo đôn 776
Ngày tháng năm chết :	16.06.1976
Nơi chết :	tại cái tạo
Nguyên nhân chết :	bị can? lạng đột ngột chết
Họ tên tuổi người báo tử :	Thiếu tá Đoàn Văn Khoa
Nơi ĐKKK thường trú :	tại cái tạo đôn 776
Số giấy CM, giấy CNCC :	
Quan hệ với người chết :	thủ trưởng phân tá tại cái tạo

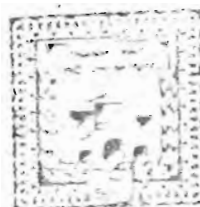
TP. HCM / 77 - 400 000

Đăng ký ngày 23 tháng 05 năm 1978TM UBND Quận 11
(Ký tên, đóng dấu)

Nhận thực sao y bản chính

ngày _____ tháng _____ năm _____

TM UBND _____



PAR AVION
AIR MAIL

TO: H. G. D. T. N. C. T. V. N.

F V N P P A

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA 22205

U.S.A

PAR AVION
PER LUCHTPOST

Tuong Lien
35 Rue D'arehus
4000 Siege
Belgique

FROM: LUAN BUI

P.O. BOX 27091

SANTA ANA, CA 92799

MSC SANTA ANA, CA 927



1988

SEP

6

PM

1988

SEP

6

FIRST CLASS

TO: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

MRS. KHUC MINH THO

P.O. BOX 5435

ARLINGTON, VA 22205-0635

SEP 08 1988

FIRST CLASS

CONTROL

_____ Card
 _____ Doc. Request; Form
 _____ Release Order
 _____ Computer
 _____ Form 'D'
 _____ ODP/Date
 _____ Membership Letter

7/5/88

S
 L
 2

Xep
 h/s

gửi cho Susan, đây là
 h/s từ nhân chứng - ODP
 các anh từng gặp một
 nhà chủ căn LCI cho người
 mẹ tôi, y/c anh hãy
 chép các con họ để cho
 tôi được gặp để hỏi họ như
 là anh tôi loan bị lừa -

ND
 7/5/86

NGUYEN THI NHU TRANG

IV # 42994, LOI # 39589 (VEWL #)

EXIT PERMIT # 12746/ 89 TH, HCM

GIA HẠN - RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

THỊ THỰC - VISAS

BỊ CHÓ - REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ - PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

Số 12746/89 TH, HCM



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên **NGUYEN THI NHU TRANG**
Name in full
Ngày sinh **01.3.1936**
Date of birth
Quốc tịch **Việt Nam**
Nationality
Nghề nghiệp
Profession
Địa chỉ thường trú **TP. Hồ Chí Minh**
Permanent domicile
Được phép xuất, nhập cảnh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **27.7.1980**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before
Qua cửa khẩu **Trần Sơn Nhất**
Point of passage on the frontier
Đi đến nước **Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**
For

Trẻ em cùng đi
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **27.7.1990**
This laissez-passer expires on

Cấp tại **TP. HCM**
Issued at

ngày **27.7.1989**
on



NGUYEN THI NHU TRANG

IV # 42994, LOI # 39589 (VEWL #)

Exit Permit # 12746/ 89 TH, HCM

LUAN BUI
P. O. BOX 27091
SANTA ANA, CA 92799

FIRST CLASS



APR 03 1990

TO : MRS. KHUC MINH THO
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
P. O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205 - 0635

April 1, 1990

Mrs. Khuc Minh Tho
Families of Vietnamese
Political Prisoners
P.O. Box 5435
Arlington, VA 22205-0635

Dear Mrs. Khuc:

May I introduce myself again, my name is Luan Bui. My father is former Lt. Colonel Bui Van Lan of South Vietnam Army who died in Re-education camp in North Vietnam in June 1976.

My mother, sister and two brothers are still in Vietnam. My sister, Bui To Loan (IV# 229345, VEWL # 45665, Exit Permit # 12747/89 HCM) who is very sick, is needing medical treatment in the United States.

My sister has had a very dangerous infection in both her ears for many years is now deaf, having permanent headache, pain in her ears. The infection is now spreading to the bones next to her brain. When this infection spreads to her brain, she will die.

According to many doctors in the United States and also my sister's doctors in Vietnam, she must have a surgery as soon as possible to prevent the infection from spreading to her brain, to save her life and to revive her hearing. This surgery can not be performed in Vietnam because of lacking medicines, medical equipments, and qualified doctors.

I am enclosing Bui To Loan's Medical Examination Certificate with her doctor stating that she is deaf, having infection in both ears, and must have a surgery as soon as possible. I am also enclosing Bui To Loan's Exit Permit and my mother, brother's Exit Permits that I have received recently from Vietnam.

May I ask you to save my sister's life by expediting her case so she will be allowed to go to the United States early to have a surgery.

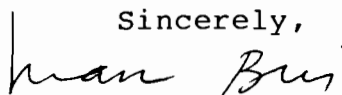
My sister has dreamed for fifteen years to live in the United States with freedom and human rights. She has dreamed for many years to recover from her dangerous ear disease and to be able to hear again.

I am asking you to save the life of a daughter of a former U.S. trained Lt. Colonel (Bui Van Lan) who had very close association with U.S. programs and policies in Vietnam and who fought the toughest battles beside the American soldiers against the Vietnamese Communists during the war and who died in Re-education camp in North Vietnam in June 1976.

I hope you will help my sister to achieve her only dream. I hope you will save my sister's life and help my family to be reunited.

I am very thankful and grateful to you. Please accept my deep thanks and appreciations.

Sincerely,



Luan Bui
P.O. Box 27091
Santa Ana, CA 92799

NAMES, IV #, LOI #, AND EXIT PERMITS # OF FORMER LIEUTENANT COLONEL
BUI VAN LAN'S FAMILY MEMBERS IN VIETNAM.

1. Nguyen Thi Nhu Trang (wife): IV # 42994, LOI # 39589
Exit Permit # 12746/89 TH, HCM

2. Bui To Loan (daughter) IV # 229345, LOI # 45665 (VEWL#)
Exit Permit # 12747/89 TH, HCM.

3. Bui Tung Lam (son): IV # 229344
Exit Permit # 12748/89TH . HCM

4. Bui Tung Linh (son): IV # 229343
Exit Permit # 12749/ 89 TH, HCM

5. Dang Khuong Trang (Linh's wife): IV # 229343
Exit Permit # 12750/ 89 TH, HCM

6. Bui Dang Huan (Linh's son): IV # 229343
Exit Permit # 12750/ 89 TH, HCM

Xét nghiệm:

Chẩn đoán:

Điều trị:

Coryza mãn, nước
trên, mũi chảy
trên tại xương chày
mãn thể hạ liên + thể liên tục

Chỉ định phẫu thuật

Ngày 8 tháng 1 năm 1990

Y. Bác sĩ khám bệnh

Chữ ký: *[Signature]*
B. S. Nam

Mỗi lần đi khám nhớ mang theo giấy này.

BỆNH VIỆN: TMH.

NV. - 083-D8

KHOA TAI MŨI HỌNG

Số: 3246

PHIẾU KHÁM BỆNH

Số:

Tên bệnh nhân: Bui Tô Loan

Giới tính: Nữ

Tuổi: 29

Nghề nghiệp: Giáo viên

Nơi ở, hoặc nơi công tác: 115/144 L

Ngày khám lần đầu: 08/01/90

Chẩn đoán: Viêm xoang mãn

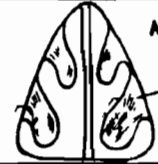
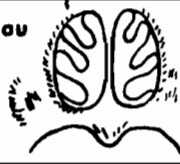
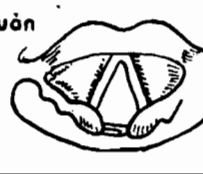
Hướng điều trị: Chỉ định mổ

Y. Bác sĩ đã khám: B. S. Nam

Mỗi lần khám bệnh nhớ mang theo giấy này

103-02-D89

PHẦN KHÁM BỆNH

 Tai phải Thông mũi mũi	 Tai trái Thông mũi mũi
 Mũi trước Viêm mũi, chảy nước	 Mũi sau Bổ
 Họng Viêm họng	 Thanh quản Bổ

BUI TO LOAN

IV # 229345

VEWL # 45665

EXIT PERMIT # 12747/89 TH,
HCM

Xét nghiệm:

Chẩn đoán:

Điều trị:

Coryza mãn, nước
trên, âm họng
vết tại xương chày
mãn thể hạ huyết áp huyết áp

Chẩn đoán phân biệt
Ngày 8 tháng 1 năm 1990
Y. Bác sĩ khám bệnh
Lương
B. S. Nam

Mỗi lần đi khám nhớ mang theo giấy này.

BỆNH VIỆN: TM H. NV. - 003-00

KHOA TAI MŨI HỌNG

Số: 3246

PHIẾU KHÁM BỆNH

Số:

Tên bệnh nhân: Bà Tô Loan

Sex: Nữ

Tuổi: 29

Nghề nghiệp:

Giáo viên

Nơi ở, hoặc nơi công tác: 415/44 L

Ngày khám lần đầu: 08/01/1990

Chẩn đoán: Viêm mũi họng

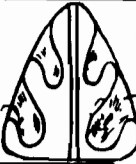
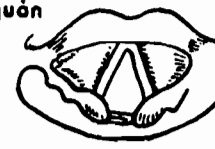
Hướng điều trị: Chẩn đoán

Y. Bác sĩ khám: B. S. Nam

Mỗi lần khám bệnh nhớ mang theo giấy này

103-02-007

PHẦN KHÁM BỆNH

 Tai phải Thống nhĩ như	 Tai trái Thống nhĩ như
 Mũi trước Viêm mũi khạc nước	 Mũi sau Bỏ
 Họng Viêm họng khạc	 Thanh quản Bỏ

BUI TO LOAN

IV # 229345

VEWL # 45665

EXIT PERMIT # 12747/89 TH,
HCM

BUI TO LOAN

IV # 229345, LOI # 45665 (VEWL#)

EXIT PERMIT # 12747/ 89 TH, HCM

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày.....
The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày
on

THỰC — VISAS

B CHÚ — REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

12747/89TH, HCM

BUI TO LOAN

IV # 229345, LOI # 45665 (VEWL#)

EXIT PERMIT # 12747/ 89 TH, HCM



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên BUI TÔ LOAN gái, nữ
Name in full
Ngày sinh 16.10.1961
Date of birth
Quốc tịch Việt Nam
Nationality
Nghề nghiệp /
Profession
Địa chỉ thường trú TP Hồ Chí Minh
Permanent domicile
Được phép xuất nhập cảnh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 27.7.1990
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before
Qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất
Point of passage on the frontier
Đi đến nước Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
For

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên - Name in full	Ngày sinh - Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 27.7.1990
This Inform-Passer expires on

Cấp tại TP. HCM ngày 27.7.1989
Issued at



Đã...
Tân

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI:
Photograph of accompanying children

BUI TUNG LINH
IV # 229343
EXIT PERMIT # 12749/ 89 TH, HCM

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày
The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày
on

THỊ THỰC — VISAS

HỊ CHÚ — REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày
The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày
on

SỐ
Nº 12749/89 TH, HCM

BUI TUNG LINH

IV # 229343

EXIT PERMIT # 12749/ 89 TH, HCM



Họ tên: **BUI TUNG LINH** nam, nữ
Name in full: **BUI TUNG LINH** sex: **nam**

Ngày sinh: **06.01.1956**
Date of birth: **06.01.1956**

Quốc tịch: **Việt Nam**
Nationality: **Việt Nam**

Nghề nghiệp: **/**
Profession: **/**

Địa chỉ thường trú: **TP. Hồ Chí Minh**
Permanent domicile: **TP. Hồ Chí Minh**

Được phép xuất, nhập cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **27.7.1990**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before
27.7.1990

Qua cửa khẩu: **Tân Sơn Nhất**
Point of passage on the frontier: **Tân Sơn Nhất**

Đi đến nước: **Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**
For: **Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **27.7.1990**
This laissez-Passer expires on **27.7.1990**

Cấp tại **TP. HCM** ngày **27.7.1989**
Issued at **TP. HCM** on **27.7.1989**

ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

[Handwritten signature and stamp]
Đã được cấp

BUI TUNG LAM IV # 229344

EXIT PERMIT # 12748/ 89 TH, HCM

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

on

SỐ
Nº 12748/89TH, HCM

IV # 229344

EXIT PERMIT # 12748/ 89 TH, HCM



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên: BUI TUNG LAM năm, tháng, ngày: 1980, 01, 01
Name in full: BUI TUNG LAM sex: MALE

Ngày sinh 23.01.1953
Date of birth

Quốc tịch Việt Nam
Nationality

Nghề nghiệp.....
Profession.....

Địa chỉ thường trú TP. Hồ Chí Minh
Permanent domicile

Được phép xuất, nhập cảnh nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày 27-7-1990

Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu : Tâm Sơn Nhất
Point of passage on the frontier .

Di dân nước Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

[illegible]

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày 27.7.1990
This laissez-passer expires on

Clp tại TP. HCM ngày 27. 9. 1989
Inmored at



DANG KHUONG TRANG + BUI DANG HUAN

IV # 229343

EXIT PERMIT # 12750/ 89 TH, HCM

GIA HẠN — RENEWALS

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

on

THỊ THỰC — VISAS

BỊ CHỮ — REMARKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



GIẤY THÔNG HÀNH
LAISSEZ — PASSER

Giấy thông hành này được gia hạn đến ngày

The validity of this laissez-Passer is extended to

ngày

on

SỐ
Nº 12750/89 TH, HCM

DANG KHUONG TRANG + BUI DANG HUAN
IV # 229343
EXIT PERMIT # 12750/ 89 TH, HCM



Chữ ký của người mang giấy thông hành
Signature of bearer

Họ tên: **DANG KHUONG TRANG**
Name in full

Ngày sinh: **01.3.1958**
Date of birth

Quốc tịch: **Việt Nam**
Nationality

Nghề nghiệp:
Profession

Địa chỉ thường trú: **TP. Hồ Chí Minh**
Permanent domicile

Được phép xuất, nhập cảnh nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trước ngày **27.4.1990**
Is permitted to leave the Socialist Republic of Viet Nam before

Qua cửa khẩu: **Tân Sơn Nhất**
Point of passage on the frontier

Đi đến nước: **Hợp chúng quốc Hoa Kỳ**
To

Trẻ em cùng đi:
Accompanying children

Họ tên — Name in full	Ngày sinh — Born on
A. Bùi Đăng Huan	1980

Giấy thông hành này có giá trị đến ngày **27.4.1990**
This laissez-passer expires on

Cấp tại **TP. HCM** ngày **27.4.1989**
Issued at



ẢNH CỦA TRẺ EM CÙNG ĐI
Photograph of accompanying children

